

Số: 01 /PA-UBND

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Tổng thể sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ngày 20/5/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ngày 26/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (viết tắt là Nghị định số 185), theo đó yêu cầu hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố trước ngày 30/6/2026.

Qua rà soát tổng thể, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có số lượng tương đối lớn thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định, chiếm khoảng 82% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố. Với chủ trương thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố giúp hình thành các cộng đồng dân cư có quy mô đúng quy định, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao chất lượng sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian qua đã làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) nên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã cũng cần phải được rà soát tổng thể và tổ chức lại cho phù hợp.

Ngoài ra, với số lượng thôn, tổ dân phố lớn như hiện nay (4.155 thôn, tổ dân phố) dẫn đến phải bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố lớn gây áp lực cho ngân sách Nhà nước. Nghị định số 185 ban hành, quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thay đổi so với trước đây (03 chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng Ban Công tác Mặt

trận). Cùng với số lượng thôn, tổ dân phố giảm sau sắp xếp, tổ chức lại sẽ giảm tương ứng số lượng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố so với hiện nay.

Như vậy, việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gắn với việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Với việc giảm số lượng thôn, tổ dân phố, giảm số người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố sẽ góp phần giảm chi ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để tăng cường nguồn lực chi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; đảm bảo và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của Nhân dân góp phần xây dựng, phát triển thành phố trong tình hình mới.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

a) Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Thông báo Kết luận số 149-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố giao nhiệm vụ xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn lại thôn, tổ dân phố gắn với sắp xếp chi bộ, ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tiễn ở cơ sở.

c) Kết luận số 22-KL/TU ngày 16/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động thôn, tổ dân phố gắn với kiện toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp trên địa bàn thành phố.

d) Thông báo số 179-TB/TU ngày 19/6/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại cuộc họp ngày 19/6/2026.

đ) Đề án số 06-ĐA/ĐU ngày 19/6/2026 của Đảng ủy UBND thành phố về sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động thôn, tổ dân phố gắn với kiện toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ sở pháp lý

a) Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

b) Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

c) Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

d) Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

đ) Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 28/5/2026 của UBND thành phố triển khai sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Phần II **MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**

I. MỤC ĐÍCH

1. Triển khai thực hiện kịp thời, thống nhất các chủ trương, quy định của Trung ương và của thành phố về sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

2. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố đảm bảo tinh gọn bộ máy, nâng cao hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới; thực hiện đúng quy định về quy mô thôn, tổ dân phố của Chính phủ; phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời phát huy sức mạnh đoàn kết trong Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả các phong trào ở địa phương.

3. Kiện toàn, bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu quả, phát huy vai trò tự quản, đoàn kết cộng đồng dân cư.

II. YÊU CẦU

1. Thực hiện đồng bộ trên toàn địa bàn thành phố việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo đúng chủ trương, lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Thành ủy Đà Nẵng.

2. Việc sắp xếp, tổ chức thôn, tổ dân phố không làm thay đổi địa giới hành chính cấp xã. Bảo đảm phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ và yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa,

phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là tại địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

3. Cơ sở hạ tầng tại thôn, tổ dân phố mới bảo đảm phục vụ tốt cho Nhân dân trên địa bàn sinh hoạt và tổ chức các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; đồng thời bảo đảm thuận tiện cho đời sống sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ xã hội thiết yếu của Nhân dân.

4. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với quá trình triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm ổn định tư tưởng và quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Phần III

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Qua rà soát, tính đến nay, toàn thành phố có **4.155** thôn, tổ dân phố; trong đó có 1.076 thôn và 3.079 tổ dân phố.

1. Đối với thôn

a) Số lượng thôn trên địa bàn thành phố

Tổng số xã	Tổng số thôn hiện có	Số thôn theo quy mô		
		Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình	Từ 700 hộ gia đình trở lên
70	1.076	488	540	48
Tỷ lệ %	100%	45,4%	50,2%	4,5%

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

b) Số lượng thôn tại các khu vực đặc thù: **193 thôn**, trong đó: (1) Thôn ở địa bàn khu vực biên giới, hải đảo: 102 thôn (tỷ lệ 52,8%); (2) Thôn hình thành do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo: 10 thôn (tỷ lệ 5,2%); (3) Thôn ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp: 70 thôn (tỷ lệ 36,3%); (4) Thôn nằm biệt lập trên cù lao, cồn trên sông: 11 thôn (tỷ lệ 5,7%).

c) Đánh giá quy mô thôn: Căn cứ quy mô quy định, có **488** (45,4%) thôn có quy mô dưới 300 hộ gia đình; trong đó có **148** thôn có yếu tố đặc thù theo quy định.

2. Đối với tổ dân phố

a) Số lượng tổ dân phố trên địa bàn thành phố

Tổng số phường	Tổng số TDP	Số lượng tổ dân phố theo quy mô		
		Dưới 450 hộ gia đình	Từ 450 đến dưới 1.000 hộ gia đình	Từ 1.000 hộ gia đình trở lên
23	3.079	2.920	150	9
Tỷ lệ %	100%	94,8%	4,9%	0,3%

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

b) Số lượng tổ dân phố tại các khu vực đặc thù: **76 tổ dân phố**, trong đó: (1) Tổ dân phố ở địa bàn khu vực biên giới biển, hải đảo: 62 tổ dân phố (tỷ lệ 81,7%); (2) Tổ dân phố hình thành do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo: 03 tổ dân phố (tỷ lệ 3,9%); (3) Tổ dân phố ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp: 09 tổ dân phố (tỷ lệ 11,8%); (4) Tổ dân phố nằm biệt lập trên cù lao, cồn trên sông: 02 tổ dân phố (tỷ lệ 2,6%).

c) Đánh giá quy mô tổ dân phố: Căn cứ quy mô quy định, hiện nay có **2.920** (94,8%) tổ dân phố có quy mô dưới 450 hộ gia đình; trong đó có **70** tổ dân phố có yếu tố đặc thù theo quy định.

II. THỰC TRẠNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Toàn thành phố có **9.044** người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, trong đó: 2.444 Bí thư chi bộ, 4.155 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và 2.445 trưởng ban công tác Mặt trận; chất lượng cụ thể:

- Đảng viên: **100%** bí thư chi bộ là đảng viên; **2.231** trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là đảng viên, chiếm tỷ lệ **53,7%** và có **1.985** trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên, chiếm tỷ lệ **81,2%**.

- Tuổi: 156 bí thư chi bộ là nữ trên 65 tuổi, chiếm tỷ lệ **6,4%**; 800 bí thư chi bộ là nam trên 67 tuổi, chiếm tỷ lệ **32,7%**. 220 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân

phổ là nữ trên 65 tuổi, chiếm tỷ lệ **5,3%**; 789 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố là nam trên 67 tuổi, chiếm tỷ lệ **19%**. 181 trưởng ban công tác Mặt trận là nữ trên 65 tuổi, chiếm tỷ lệ **7,4%**; 475 trưởng ban công tác Mặt trận là nam trên 67 tuổi, chiếm tỷ lệ **19,4%**.

- Trình độ chuyên môn: 1.871 bí thư chi bộ có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên, chiếm tỷ lệ **76,6%**; 1.509 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên, chiếm tỷ lệ **36,3%**; 1.252 trưởng ban công tác Mặt trận có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên, chiếm tỷ lệ **51,2%**.

2. Số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Chức danh

STT	Thành phố Đà Nẵng (cũ)	Tỉnh Quảng Nam
1	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng hỗ trợ hàng tháng và áp dụng đối với các chức danh: Phó bí thư chi bộ, Tổ phó tổ dân phố hoặc Phó trưởng thôn, Phó trưởng ban công tác Mặt trận và Chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng hỗ trợ hàng tháng và áp dụng đối với các chức danh: Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Chi hội trưởng Hội phụ nữ; Bí thư Chi đoàn thanh niên; Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi; Phó Trưởng thôn/Phó Tổ trưởng tổ dân phố được bố trí tại các thôn, tổ dân phố loại I; Phó Bí thư chi bộ.
2	Mỗi tổ dân phố bố trí 01 tổ phó, mỗi thôn bố trí 01 phó trưởng thôn.	Phó trưởng thôn, tổ phó tổ dân phố chỉ bố trí tại các thôn, tổ dân phố loại I.

b) Số lượng: Qua rà soát, toàn thành phố có **20.083** người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, trong đó: 2.444 Phó Bí thư chi bộ, 4.155 Phó Trưởng thôn/Tổ phó tổ dân phố, 2.445 phó trưởng ban công tác Mặt trận, 2.393 Chi hội trưởng Hội liên hiệp phụ nữ, 1.993 Chi hội trưởng Hội Nông dân, 2.340 Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, 2.265 Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi và 2.048 Bí thư chi đoàn Thanh niên.

Phần IV

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

I. PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại, đặt tên thôn, tổ dân phố và nguyên tắc xác định quy mô số hộ gia đình

a) Nguyên tắc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố: Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố đảm bảo đúng quy mô theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10, đồng thời đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 185, cụ thể:

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố khi chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố cần xem xét kỹ lưỡng các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

- Trường hợp quy mô nhỏ hơn quy định¹, không thể thực hiện sắp xếp do khoảng cách, vị trí địa lý, địa hình biệt lập, phong tục tập quán, văn hóa, tôn giáo... hoặc điều kiện tổ chức cộng đồng dân cư thì UBND cấp xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho chủ trương trước khi trình HĐND cấp xã xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quy mô các thôn, tổ dân phố đặc thù bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

b) Nguyên tắc xác định quy mô số hộ gia đình: Cơ sở để xác định quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố dựa trên số hộ gia đình đang sinh sống thực tế (bao gồm cả tạm trú và thường trú). Trường hợp 01 (một) nhà có nhiều hộ gia đình sinh sống chung thì vẫn được tính là 01 (một) hộ gia đình.

c) Nguyên tắc đặt tên thôn, tổ dân phố sau sắp xếp

- Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; bảo đảm sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

- Tên thôn, tổ dân phố mới phải xem xét toàn diện các yếu tố lịch sử hình thành, giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán và đặc điểm địa lý, cộng

¹ Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 185 quy định đối với các thôn, tổ dân phố ở một trong các địa bàn sau đây có thể áp dụng quy mô số hộ gia đình *thấp hơn tiêu chuẩn quy định* và do UBND thành phố hướng dẫn cụ thể, bảo đảm phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương và từng địa bàn, gồm: (1) Thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán. (2) Thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư. (3) Thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông.

đồng. Tên gọi phải ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, dễ sử dụng; tránh gây nhầm lẫn hoặc xáo trộn lớn, bảo đảm thuận lợi cho công tác quản lý hành chính; bảo đảm thuận lợi cho việc chuẩn hóa dữ liệu dân cư, địa chỉ số, cơ sở dữ liệu hành chính, hệ thống thông tin địa lý và triển khai chuyển đổi số. Tên thôn, tổ dân phố sau sắp xếp phải bảo đảm tính ổn định lâu dài, hạn chế tối đa việc điều chỉnh, thay đổi nhiều lần gây ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và công tác quản lý nhà nước.

- Ưu tiên tên gọi địa danh truyền thống, sử dụng lại tên làng cổ, địa danh lịch sử, tên truyền thống lâu đời hoặc tên gắn liền với di tích, danh lam thắng cảnh, đặc trưng tiêu biểu của địa phương. Ưu tiên lựa chọn tên gọi đã được cộng đồng dân cư sử dụng ổn định, quen thuộc trong đời sống sinh hoạt, giao dịch và truyền thống địa phương nhằm hạn chế tối đa việc thay đổi giấy tờ, địa chỉ liên lạc và giữ gìn bản sắc văn hóa. Việc ghép tên chỉ thực hiện khi bảo đảm hài hòa, có ý nghĩa và dễ sử dụng.

2. Dự kiến phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố

a) Tổng số thôn, tổ dân phố trước khi sắp xếp: **4.155** (gồm **1.076** thôn và **3.079** tổ dân phố).

- Số thôn, tổ dân phố giữ nguyên: **500** (gồm **362** thôn và **138** tổ dân phố).

- Số thôn, tổ dân phố thực hiện sắp xếp: **3.655** (gồm **714** thôn và **2.941** tổ dân phố).

b) Tổng số thôn, tổ dân phố sau khi sắp xếp: **1.456** (gồm **724** thôn và **732** tổ dân phố).

Trong đó, có **143** thôn, tổ dân phố đặc thù chưa đạt quy mô theo quy định² (gồm **131** thôn và **12** tổ dân phố).

c) Tổng số thôn, tổ dân phố giảm: **2.699** (tỷ lệ 64,96%, gồm **352** thôn và **2.347** tổ dân phố).

(Phụ lục III đính kèm)

II. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185, cụ thể: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí **không quá 03 người đảm nhận 03 chức danh**: (1) Bí thư chi bộ; (2) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; (3) Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

² Gồm: 130 thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; 10 thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; 03 thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông.

2. Đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Chức danh: Đề xuất 08 chức danh (kể thừa các chức danh như hiện nay): Phó bí thư chi bộ; Phó trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố; Phó trưởng ban công tác Mặt trận và Chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi.

b) Số lượng: Căn cứ yêu cầu thực tiễn của từng thôn, tổ dân phố, quy mô hộ gia đình, yêu cầu tổ chức hoạt động tại từng địa bàn khu dân cư, số lượng hội viên, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội và hội người cao tuổi; mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí không quá 08 người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Trường hợp thôn, tổ dân phố không đủ điều kiện thành lập các chi hội tổ chức chính trị - xã hội, chi hội người cao tuổi thì không bố trí các chức danh tương ứng. Khuyến khích kiêm nhiệm các chức danh để tinh gọn bộ máy.

UBND cấp xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã căn cứ yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, căn cứ số lượng hội viên của các chi hội chính trị - xã hội, chi hội người cao tuổi của từng thôn, tổ dân phố để quyết định việc tổ chức các chi hội, bố trí số lượng, chức danh, bố trí kiêm nhiệm người tham gia hoạt động tại thôn, tổ dân phố phù hợp đảm bảo không vượt quá số lượng, chức danh do HĐND thành phố quy định và đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở. Trên cơ sở đó, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố sau khi thống nhất với bí thư chi bộ, trưởng ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố. UBND cấp xã quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 185.

3. Dự kiến phương án sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Trước sắp xếp, toàn thành phố có **9.044** người hoạt động không chuyên trách, sau sắp xếp dự kiến có **4.368** người bố trí lại và có **4.676** người dôi dư; có **20.083** người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, sau sắp xếp dự kiến bố trí lại **11.648** người và có **8.435** người dôi dư.

Theo đó, sau sắp xếp dự kiến toàn thành phố có **13.111** người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp lại thôn, tổ dân phố.

Phần V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN TẠI CẤP XÃ

1. Xây dựng dự thảo Đề án: Trên cơ sở Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố của UBND thành phố, UBND cấp xã chủ động xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động các thôn, tổ dân phố trên địa bàn, xin ý kiến cấp ủy cùng cấp và chủ động xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Đề án.

2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân: UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã.

3. Trình HĐND cấp xã thông qua Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố, thời gian hoàn thành: *Trước ngày 30/6/2026.*

PHẦN VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo đúng trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm hoàn thành sắp xếp *trước ngày 30/6/2026.*

b) Triển khai các chủ trương của Thành ủy về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố theo quy định.

c) Tham mưu UBND thành phố: (i) Trình HĐND thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết Quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố tại kỳ họp HĐND thành phố chuyên đề tháng 6/2026; (ii) Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố; (iii) Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả sau khi triển khai kiện toàn tổ chức, hoạt động thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố, HĐND thành phố xem xét ban hành mức phụ cấp hàng tháng, quy định phụ cấp kiêm nhiệm, chế độ, chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố, HĐND thành phố xem xét ban hành mức khoán kinh phí hoạt động thôn, tổ dân phố, chế độ bảo hiểm y tế đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, hỗ trợ tết Nguyên đán và các quy định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, sau khi thành phố hoàn thành việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 185 và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn UBND cấp xã: (i) Rà soát bàn giao tài sản, tài chính, trụ sở nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn và hướng dẫn bố trí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố; bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Hoàn thành việc bàn giao trước 30/6/2026; (ii) Trình tự, thủ tục xử lý, điều chuyển công năng các nhà sinh hoạt cộng đồng sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố, tránh lãng phí tài sản công.

3. Sở Xây dựng: Rà soát thực trạng nhà sinh hoạt cộng đồng có thể sử dụng với quy mô thôn, tổ dân phố mới sau sắp xếp; đề xuất đầu tư, dự kiến địa

điểm bố trí nhà sinh hoạt cộng đồng để xây dựng ban hành danh mục vị trí nhà sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, các cơ quan liên quan định hướng thông tin dư luận; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở, các cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố tăng cường thời lượng tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sắp xếp thôn, tổ dân phố nhằm tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

b) Khẩn trương rà soát thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn thành phố; đối chiếu với quy hoạch đô thị và quy mô thôn, tổ dân phố mới để tham mưu phương án sử dụng hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn bán kính phục vụ Nhân dân.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, phối hợp với UBND cấp xã trong việc đầu tư trang bị, bộ máy tính để bàn, máy in, internet tại 100% nhà sinh hoạt cộng đồng khu dân cư, nhà văn hóa thôn trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin trên mạng internet và mạng xã hội; phối hợp với Công an thành phố kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi phát tán thông tin sai sự thật, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự và công tác sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố.

6. Công an thành phố

a) Hướng dẫn, chỉ đạo công an cấp xã thực hiện đối chiếu quản lý giữa các thôn, tổ dân phố trước và sau khi sắp xếp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

b) Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh, tuyệt đối không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

7. UBND cấp xã

a) Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị để phổ biến, tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ thẩm quyền để triển khai có hiệu quả Phương án này.

b) Chỉ đạo việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo đúng trình tự, thủ tục quy định và hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố *trước ngày 30/6/2026*.

c) Phân công các đồng chí lãnh đạo UBND cấp xã trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, nắm tình hình tại các thôn, tổ dân phố. Chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã phân công cán bộ, công chức thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của thôn, tổ dân phố.

d) Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức và trực tiếp chủ trì giao ban hằng quý giữa UBND cấp xã với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, công an cấp xã để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời các hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

đ) Phân loại chất lượng đội ngũ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố để tập trung bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn để nâng cao chất lượng lãnh đạo, điều hành tại thôn, tổ dân phố.

e) Phân công cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở tham gia và phối hợp chặt chẽ với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của thôn, tổ dân phố.

g) Báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp giữa chi bộ, ban công tác Mặt trận, các hội đoàn thể và cảnh sát khu vực, trên cơ sở quy chế chung chỉ đạo xây dựng quy chế cho từng bộ phận trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như đối với công an, đối với Mặt trận và đối với các hội đoàn thể, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

h) Xây dựng quy chế phối hợp giữa tổ dân phố với Ban Quản trị nhà chung cư và cảnh sát khu vực để thực hiện quản lý khu chung cư, khuyến khích bố trí đại diện cán bộ tổ dân phố tham gia thành viên Ban Quản trị nhà chung cư để phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý điều hành ở khu chung cư. Đối với chung cư trên địa bàn thôn thuộc xã thì UBND xã hướng dẫn thôn xây dựng quy chế tự quản và bố trí nhân sự phù hợp để quản lý tốt các nhiệm vụ tại khu chung cư.

i) Tuyên truyền, vận động để mọi người dân tham gia vào các hoạt động của thôn, tổ dân phố. Hình thành trong Nhân dân ý thức, thói quen tham gia sinh hoạt và thực hiện tốt các nhiệm vụ của thôn, tổ dân phố một cách tích cực, tự giác.

k) Phát động phong trào thi đua giữa các chi bộ, Mặt trận, đoàn thể, thôn, tổ dân phố; kịp thời khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động ở địa bàn dân cư, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm của thôn, tổ dân phố.

l) Đề xuất kinh phí phụ cấp cho các chức danh, kinh phí hoạt động cho các thôn, tổ dân phố theo quy định của cấp có thẩm quyền gửi Sở Tài chính tổng hợp trình UBND thành phố xem xét, quyết định; rà soát về tình hình quản lý sử dụng nhà sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư, thôn, tổ dân phố và đề xuất phương án xử lý tại địa phương, đảm bảo quản lý sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích theo quy định.

m) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ thôn, tổ dân phố theo quy định của Trung ương và của thành phố. Định kỳ 06 tháng, hằng năm tổ chức đánh giá, sơ kết việc triển khai thực hiện.

n) Khi bố trí kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thì phải quan tâm, lựa chọn nhân sự có đủ năng lực, uy tín, trách nhiệm và có sức khỏe để thực hiện đầy đủ, hiệu quả nhiệm vụ của các chức danh kiêm nhiệm.

o) Đưa nội dung xây dựng thôn, tổ dân phố, nhất là việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của thôn, tổ dân phố vào nội dung sinh hoạt định kỳ.

p) Phân công cán bộ, công chức thường xuyên dự họp thôn, tổ dân phố theo định kỳ để theo dõi, chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đồng thời nắm bắt và phản ánh kịp thời những kiến nghị, yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân với cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm xây dựng thôn, tổ dân phố ngày càng vững mạnh, ổn định.

q) Rà soát, thực hiện bàn giao tài sản, tài chính, trụ sở nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn theo quy định.

8. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải nghiêm túc chấp hành, gương mẫu đi đầu trong việc tham gia sinh hoạt và các hoạt động tại thôn, tổ dân phố; tuyên truyền, vận động gia đình và Nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia các hoạt động tại địa bàn dân cư.

9. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã quán triệt sâu sắc chủ trương của thành phố về kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố; coi đây là việc làm quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai một cách đồng bộ, lâu dài, hiệu quả nhằm xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, phát huy dân chủ cơ sở và các hình thức tự quản của cộng đồng dân cư.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp, kiện toàn tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố. /

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND thành phố (để báo cáo);
- Đảng ủy UBND thành phố;
- Cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các thành viên UBND thành phố;
- Công an thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Đảng ủy cấp xã;
- HĐND, UBND cấp xã;
- Lưu: VT, SNV. 3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng



Phụ lục I
THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố)

Số TT	Tên đơn vị hành chính xã	Tổng số thôn hiện có	Số thôn theo quy mô		
			Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình	Từ 700 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cộng		1.076	45,4%	50,2%	4,5%
			488	540	48
1	Xã Hòa Vang	21	11	10	
2	Xã Hòa Tiến	22	4	15	3
3	Xã Bà Nà	22	14	8	
4	Xã Núi Thành	31		27	4
5	Xã Tam Mỹ	16	7	9	
6	Xã Tam Anh	17	1	14	2
7	Xã Đức Phú	9	6	3	
8	Xã Tam Xuân	23	2	19	2
9	Xã Tam Hải	7	2	4	1
10	Xã Tây Hồ	19		19	
11	Xã Chiên Đàn	17		15	2
12	Xã Phú Ninh	15	3	12	
13	Xã Lãnh Ngọc	16	12	4	
14	Xã Tiên Phước	27	21	6	
15	Xã Thạnh Bình	22	17	5	
16	Xã Sơn Cẩm Hà	20	17	3	
17	Xã Trà Liên	8	8		
18	Xã Trà Giáp	5	3	2	

Số TT	Tên đơn vị hành chính xã	Tổng số thôn hiện có	Số thôn theo quy mô		
			Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình	Từ 700 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Xã Trà Tân	7	7		
20	Xã Trà Đốc	9	8	1	
21	Xã Trà My	17	10	7	
22	Xã Nam Trà My	7	6	1	
23	Xã Trà Tập	8	6	2	
24	Xã Trà Vân	6	5	1	
25	Xã Trà Linh	7	6	1	
26	Xã Trà Leng	7	4	3	
27	Xã Thăng Bình	23		18	5
28	Xã Thăng An	19		11	8
29	Xã Thăng Trường	15	2	13	
30	Xã Thăng Điền	22		21	1
31	Xã Thăng Phú	12	4	6	2
32	Xã Đồng Dương	15	3	10	2
33	Xã Quế Sơn Trung	24	7	17	
34	Xã Quế Sơn	23	3	19	1
35	Xã Xuân Phú	27	6	21	
36	Xã Nông Sơn	16	6	10	
37	Xã Quế Phước	13	7	6	
38	Xã Duy Nghĩa	14	1	11	2
39	Xã Nam Phước	23		16	7
40	Xã Duy Xuyên	16	4	8	4
41	Xã Thu Bồn	25	4	21	

Số TT	Tên đơn vị hành chính xã	Tổng số thôn hiện có	Số thôn theo quy mô		
			Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình	Từ 700 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42	Xã Điện Bàn Tây	30	10	20	
43	Xã Gò Nổi	17	4	13	
44	Xã Tân Hiệp	3	3		
45	Xã Đại Lộc	33		33	
46	Xã Hà Nha	26	10	15	1
47	Xã Thượng Đức	21	12	9	
48	Xã Vu Gia	13		13	
49	Xã Phú Thuận	20	8	12	
50	Xã Thạnh Mỹ	9	7	1	1
51	Xã Bến Giằng	10	10		
52	Xã Nam Giang	7	7		
53	Xã Đắc Pring	8	8		
54	Xã La Dêê	10	10		
55	Xã La Êê	6	6		
56	Xã Sông Vàng	8	7	1	
57	Xã Sông Kôn	11	11		
58	Xã Đông Giang	15	15		
59	Xã Bến Hiên	6	5	1	
60	Xã Avurong	16	16		
61	Xã Tây Giang	23	23		
62	Xã Hùng Sơn	24	24		
63	Xã Hiệp Đức	15	10	5	
64	Xã Việt An	23	12	11	

Số TT	Tên đơn vị hành chính xã	Tổng số thôn hiện có	Số thôn theo quy mô		
			Dưới 300 hộ gia đình	Từ 300 đến dưới 700 hộ gia đình	Từ 700 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
65	Xã Phước Trà	8	7	1	
66	Xã Khâm Đức	8	3	5	
67	Xã Phước Năng	10	9	1	
68	Xã Phước Chánh	7	7		
69	Xã Phước Thành	10	10		
70	Xã Phước Hiệp	7	7		



Phụ lục II
THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Phương án số 04 /PA-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố)

Số TT	Tên đơn vị hành chính phường	Số lượng tổ dân phố theo quy mô			
		Tổng số tổ dân phố	Dưới 450 hộ gia đình	Từ 450 đến dưới 1.000 hộ gia đình	Từ 1.000 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Cộng		3.079	94,8%	4,9%	0,3%
			2.920	150	9
1	Phường Hải Châu	332	332		
2	Phường Hòa Cường	312	312		
3	Phường Thanh Khê	532	532		
4	Phường An Khê	226	226		
5	Phường An Hải	247	247		
6	Phường Sơn Trà	268	268		
7	Phường Ngũ Hành Sơn	260	257	3	
8	Phường Hòa Khánh	178	171	6	1
9	Phường Liên Chiểu	95	88	6	1
10	Phường Hải Vân	103	102	1	
11	Phường Cẩm Lệ	183	183		
12	Phường Hòa Xuân	114	102	9	3
13	Phường Tam Kỳ	22	6	16	
14	Phường Quảng Phú	19	9	10	
15	Phường Bàn Thạch	24	12	12	
16	Phường Hương Trà	20	10	10	
17	Phường Điện Bàn	22	11	11	
18	Phường Điện Bàn Đông	34	11	19	4

Số TT	Tên đơn vị hành chính phường	Số lượng tổ dân phố theo quy mô			
		Tổng số tổ dân phố	Dưới 450 hộ gia đình	Từ 450 đến dưới 1.000 hộ gia đình	Từ 1.000 hộ gia đình trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19	Phường An Thắng	17	7	10	
20	Phường Điện Bàn Bắc	20	13	7	
21	Phường Hội An	18	9	9	
22	Phường Hội An Đông	15	8	7	
23	Phường Hội An Tây	18	4	14	



Phụ lục III

SỐ LƯỢNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRƯỚC VÀ SAU SẮP XẾP

(Ban hành kèm theo Phương án số 01 /PA-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố)

T T	Tên cấp xã	TRƯỚC SẮP XẾP					SAU SẮP XẾP								
		Tổng Thôn/ TDP trước sắp xếp	TRONG ĐÓ				TRONG ĐÓ								
			Tổng số thôn/ TDP phố giữ nguyên	Tỷ lệ %	Tổng số thôn/ TDP thực hiện sắp xếp	Tỷ lệ %	Tổng Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số thôn/ TDP giảm so với trước sắp xếp	Tỷ lệ %	Số thôn/ TDP đúng quy mô quy định	Tỷ lệ %	Số thôn/TDP thấp hơn quy mô quy định	Tỷ lệ %	Thôn/ TDP có yếu tố đặc thù	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG	4155	500	12,03%	3655	87,97%	1456	2699	64,96%	1313	90,18%	143	9,82%	143	
1	Phường An Hải	247	0	0,0%	247	100,0%	40	207	83,8%	38	95,0%	2	5,0%	2	5,0%
2	Phường An Khê	226	0	0,0%	226	100,0%	43	183	81,0%	43	100,0%				
3	Phường An Thắng	17	8	47,1%	9	52,9%	13	4	23,5%	13	100,0%			0	
4	Phường Bàn Thạch	24	7	29,2%	17	70,8%	15	9	37,5%	15	100,0%			0	
5	Phường Cẩm Lệ	183	1	0,5%	182	99,5%	32	151	82,5%	32	100,0%				
6	Phường Điện Bàn	22	10	45,5%	12	54,5%	18	4	18,2%	17	94,4%	1	5,6%	1	5,6%
7	Phường Điện Bàn Bắc	20	5	25,0%	15	75,0%	15	5	25,0%	15	100,0%			0	
8	Phường Điện Bàn Đông	34	20	58,8%	14	41,2%	27	7	20,6%	27	100,0%			0	
9	Phường Hải Châu	332	0	0,0%	332	100,0%	51	281	84,6%	51	100,0%			0	
10	Phường Hải Vân	103	2	1,9%	101	98,1%	29	74	71,8%	25	86,2%	4	13,8%	4	13,8%
11	Phường Hòa Cường	312	0	0,0%	312	100,0%	52	260	83,3%	52	100,0%			0	
12	Phường Hòa Khánh	178	4	2,2%	174	97,8%	52	126	70,8%	52	100,0%			0	
13	Phường Hòa Xuân	114	12	10,5%	102	89,5%	52	62	54,4%	51	98,1%	1	1,9%	1	1,9%
14	Phường Hội An	18	8	44,4%	10	55,6%	14	4	22,2%	14	100,0%			0	
15	Phường Hội An Đông	15	8	53,3%	7	46,7%	12	3	20,0%	12	100,0%			0	
16	Phường Hội An Tây	18	12	66,7%	6	33,3%	15	3	16,7%	15	100,0%			0	
17	Phường Hương Trà	20	7	35,0%	13	65,0%	15	5	25,0%	15	100,0%			0	
18	Phường Liên Chiểu	95	3	3,2%	92	96,8%	27	68	71,6%	27	100,0%			0	
19	Phường Ngũ Hành Sơn	260	2	0,8%	258	99,2%	54	206	79,2%	54	100,0%			0	
20	Phường Quảng Phú	19	9	47,4%	10	52,6%	14	5	26,3%	14	100,0%				
21	Phường Sơn Trà	268	0	0,0%	268	100,0%	41	227	84,7%	41	100,0%			0	

T T	Tên cấp xã	TRƯỚC SẮP XẾP					SAU SẮP XẾP								
		Tổng Thôn/ TDP trước sắp xếp	TRONG ĐÓ				TRONG ĐÓ								
			Tổng số thôn/ TDP phổ giữ nguyên	Tỷ lệ %	Tổng số thôn/ TDP thực hiện sắp xếp	Tỷ lệ %	Tổng Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số thôn/ TDP giảm so với trước sắp xếp	Tỷ lệ %	Số thôn/ TDP đúng quy mô quy định	Tỷ lệ %	Số thôn/TDP thấp hơn quy mô quy định	Tỷ lệ %	Thôn/ TDP có yếu tố đặc thù	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
22	Phường Tam Kỳ	22	20	90,9%	2	9,1%	21	1	4,5%	20	95,2%	1	4,8%	1	4,8%
23	Phường Thanh Khê	532	0	0,0%	532	100,0%	80	452	85,0%	77	96,3%	3	3,8%	3	3,8%
24	Xã Avurong	16	6	37,5%	10	62,5%	12	4	25,0%	0	0,0%	12	100,0%	12	100%
25	Xã Bà Nà	22	3	13,6%	19	86,4%	10	12	54,5%	10	100,0%			0	
26	Xã Bến Giằng	10	1	10,0%	9	90,0%	7	3	30,0%	5	71,4%	2	28,6%	2	28,6%
27	Xã Bến Hiên	6	2	33,3%	4	66,7%	4	2	33,3%	2	50,0%	2	50,0%	2	50,0%
28	Xã Chiên Đàn	17	7	41,2%	10	58,8%	13	4	23,5%	13	100,0%			0	
29	Xã Duy Nghĩa	14	8	57,1%	6	42,9%	11	3	21,4%	11	100,0%			0	
30	Xã Duy Xuyên	16	10	62,5%	6	37,5%	13	3	18,8%	13	100,0%			0	
31	Xã Đại Lộc	33	1	3,0%	32	97,0%	16	17	51,5%	16	100,0%				
32	Xã Đắc Pring	8	0	0,0%	8	100,0%	4	4	50,0%		0,0%	4	100,0%	4	100,0%
33	Xã Điện Bàn Tây	30	1	3,3%	29	96,7%	12	18	60,0%	12	100,0%			0	
34	Xã Đồng Dương	15	9	60,0%	6	40,0%	12	3	20,0%	12	100,0%			0	
35	Xã Đông Giang	15	0	0,0%	15	100,0%	7	8	53,3%	7	100,0%			0	
36	Xã Đức Phú	9	1	11,1%	8	88,9%	6	3	33,3%	6	100,0%				
37	Xã Gò Nổi	17	11	64,7%	6	35,3%	14	3	17,6%	14	100,0%			0	
38	Xã Hà Nha	26	1	3,8%	25	96,2%	12	14	53,8%	12	100,0%				
39	Xã Hiệp Đức	15	0	0,0%	15	100,0%	9	6	40,0%	9	100,0%				
40	Xã Hòa Tiến	22	6	27,3%	16	72,7%	15	7	31,8%	15	100,0%			0	
41	Xã Hòa Vang	21	4	19,0%	17	81,0%	12	9	42,9%	12	100,0%			0	
42	Xã Hùng Sơn	24	7	29,2%	17	70,8%	12	12	50,0%	0	0,0%	12	100,0%	12	100%
43	Xã Khâm Đức	8	3	37,5%	5	62,5%	6	2	25,0%	4	66,7%	2	33,3%	2	33,3%
44	Xã La Khê	10	1	10,0%	9	90,0%	5	5	50,0%	0	0,0%	5	100,0%	5	100%
45	Xã La Khê	6	6	100,0%	0	0,0%	6	0	0,0%		0,0%	6	100,0%	6	100%
46	Xã Lãnh Ngọc	16	0	0,0%	16	100,0%	7	9	56,3%	7	100,0%			0	
47	Xã Nam Giang	7	5	71,4%	2	28,6%	6	1	14,3%	1	16,7%	5	83,3%	5	83,3%
48	Xã Nam Phước	23	12	52,2%	11	47,8%	17	6	26,1%	17	100,0%				

T T	Tên cấp xã	TRƯỚC SẮP XẾP					SAU SẮP XẾP								
		Tổng Thôn/ TDP trước sắp xếp	TRONG ĐÓ				TRONG ĐÓ								
			Tổng số thôn/ TDP phổ giữ nguyên	Tỷ lệ %	Tổng số thôn/ TDP thực hiện sắp xếp	Tỷ lệ %	Tổng Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số thôn/ TDP giảm so với trước sắp xếp	Tỷ lệ %	Số thôn/ TDP đúng quy mô quy định	Tỷ lệ %	Số thôn/TDP thấp hơn quy mô quy định	Tỷ lệ %	Thôn/ TDP có yếu tố đặc thù	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
49	Xã Nam Trà My	7	2	28,6%	5	71,4%	6	1	14,3%	4	66,7%	2	33,3%	2	33,3%
50	Xã Nông Sơn	16	6	37,5%	10	62,5%	13	3	18,8%	12	92,3%	1	7,7%	1	7,7%
51	Xã Núi Thành	31	7	22,6%	24	77,4%	19	12	38,7%	19	100,0%				
52	Xã Phú Ninh	15	0	0,0%	15	100,0%	7	8	53,3%	7	100,0%			0	
53	Xã Phú Thuận	20	8	40,0%	12	60,0%	14	6	30,0%	14	100,0%				
54	Xã Phước Chánh	7	1	14,3%	6	85,7%	4	3	42,9%	1	25,0%	3	75,0%	3	75,0%
55	Xã Phước Hiệp	7	1	14,3%	6	85,7%	4	3	42,9%	1	25,0%	3	75,0%	3	75,0%
56	Xã Phước Năng	10	0	0,0%	10	100,0%	6	4	40,0%	5	83,3%	1	16,7%	1	16,7%
57	Xã Phước Thành	10	1	10,0%	9	90,0%	4	6	60,0%	1	25,0%	3	75,0%	3	75,0%
58	Xã Phước Trà	8	6	75,0%	2	25,0%	7	1	12,5%	2	28,6%	5	71,4%	5	71,4%
59	Xã Quế Phước	13	7	53,8%	6	46,2%	10	3	23,1%	8	80,0%	2	20,0%	2	20,0%
60	Xã Quế Sơn	23	14	60,9%	9	39,1%	19	4	17,4%	19	100,0%			0	
61	Xã Quế Sơn Trung	24	9	37,5%	15	62,5%	20	4	16,7%	20	100,0%			0	
62	Xã Sông Kôn	11	4	36,4%	7	63,6%	8	3	27,3%	4	50,0%	4	50,0%	4	50,0%
63	Xã Sông Vàng	8	0	0,0%	8	100,0%	5	3	37,5%	5	100,0%			0	
64	Xã Sơn Cẩm Hà	20	2	10,0%	18	90,0%	9	11	55,0%	9	100,0%			0	
65	Xã Tam Anh	17	13	76,5%	4	23,5%	15	2	11,8%	12	80,0%	3	20,0%	3	20,0%
66	Xã Tam Hải	7	7	100,0%	0	0,0%	7	0	0,0%	5	71,4%	2	28,6%	2	28,6%
67	Xã Tam Mỹ	16	4	25,0%	12	75,0%	10	6	37,5%	7	70,0%	3	30,0%	3	30,0%
68	Xã Tam Xuân	23	9	39,1%	14	60,9%	18	5	21,7%	18	100,0%				
69	Xã Tân Hiệp	3	3	100,0%	0	0,0%	3	0	0,0%	0	0,0%	3	100,0%	3	100%
70	Xã Tây Giang	23	7	30,4%	16	69,6%	15	8	34,8%	0	0,0%	15	100,0%	15	100%
71	Xã Tây Hồ	19	19	100,0%	0	0,0%	19	0	0,0%	19	100,0%			0	
72	Xã Thạnh Bình	22	5	22,7%	17	77,3%	15	7	31,8%	14	93,3%	1	6,7%	1	6,7%
73	Xã Thạnh Mỹ	9	1	11,1%	8	88,9%	7	2	22,2%	5	71,4%	2	28,6%	2	28,6%
74	Xã Thăng An	19	19	100,0%	0	0,0%	19	0	0,0%	19	100,0%			0	
75	Xã Thăng Bình	23	19	82,6%	4	17,4%	21	2	8,7%	21	100,0%			0	

T T	Tên cấp xã	TRƯỚC SẮP XẾP					SAU SẮP XẾP									
		Tổng Thôn/ TDP trước sắp xếp	TRONG ĐÓ				TRONG ĐÓ									
			Tổng số thôn/ TDP phổ giữ nguyên	Tỷ lệ %	Tổng số thôn/ TDP thực hiện sắp xếp	Tỷ lệ %	Tổng Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số thôn/ TDP giảm so với trước sắp xếp	Tỷ lệ %	Số thôn/ TDP đúng quy mô quy định	Tỷ lệ %	Số thôn/TDP thấp hơn quy mô quy định	Tỷ lệ %	Thôn/ TDP có yếu tố đặc thù	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
76	Xã Thăng Điền	22	2	9,1%	20	90,9%	12	10	45,5%	12	100,0%			0		
77	Xã Thăng Phú	12	8	66,7%	4	33,3%	11	1	8,3%	10	90,9%	1	9,1%	1	9,1%	
78	Xã Thăng Trường	15	13	86,7%	2	13,3%	14	1	6,7%	13	92,9%	1	7,1%	1	7,1%	
79	Xã Thu Bồn	25	1	4,0%	24	96,0%	12	13	52,0%	12	100,0%			0		
80	Xã Thượng Đức	21	2	9,52%	19	90,48%	10	11	52,38%	9	90,0%	1	10,0%	1	10,0%	
81	Xã Tiên Phước	27	3	11,1%	24	88,9%	15	12	44,4%	15	100,0%			0		
82	Xã Trà Đốc	9	7	77,8%	2	22,2%	8	1	11,1%	4	50,0%	4	50,0%	4	50,0%	
83	Xã Trà Giáp	5	3	60,0%	2	40,0%	4	1	20,0%	2	50,0%	2	50,0%	2	50,0%	
84	Xã Trà Leng	7	5	71,4%	2	28,6%	6	1	14,3%	3	50,0%	3	50,0%	3	50,0%	
85	Xã Trà Liên	8	2	25,0%	6	75,0%	6	2	25,0%	2	33,3%	4	66,7%	4	66,7%	
86	Xã Trà Linh	7	5	71,4%	2	28,6%	5	2	28,6%	4	80,0%	1	20,0%	1	20,0%	
87	Xã Trà My	17	4	23,5%	13	76,5%	11	6	35,3%	11	100,0%			0		
88	Xã Trà Tân	7	4	57,1%	3	42,9%	6	1	14,3%	2	33,3%	4	66,7%	4	66,7%	
89	Xã Trà Tập	8	0	0,0%	8	100,0%	4	4	50,0%	4	100,0%			0		
90	Xã Trà Vân	6	6	100,0%	0	0,0%	6	0	0,0%	1	16,7%	5	83,3%	5	83,3%	
91	Xã Việt An	23	5	21,7%	18	78,3%	14	9	39,1%	12	85,7%	2	14,3%	2	14,3%	
92	Xã Vu Gia	13	13	100,0%	0	0,0%	13	0	0,0%	13	100,0%					
93	Xã Xuân Phú	27	0	0,0%	27	100,0%	15	12	44,4%	15	100,0%			0		